

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28/9/2020

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Quảng.

2. Ông Hà Đình Sở.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Nho - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2020/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Tuyết M**, sinh năm 1996.

Nơi ĐKNKTT: Xóm Chung, xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đồng Chỏm, xã Tất Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: chị Đinh Thị Tuyết M Ông **Bùi Đức Dũng** - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Đinh Văn T**, sinh năm 1985.

Nơi ĐKNKTT: Xóm Chung, xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

(Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Dũng có mặt, anh Thủy vắng mặt

không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2020, bản tự khai ngày 01/7/2020 và các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Đinh Thị Tuyết Mai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đinh Văn T có nẩy sinh tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, sau đó đến tháng 8 năm 2018 chị M và anh T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tất Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình bố mẹ đẻ anh Thủy tại xã Tân Lập được khoảng hơn ba năm thì vợ chồng ra ở riêng, sinh sống tại xã Tân Lập. Trong khoảng thời gian chung sống với nhau chưa đăng ký kết hôn và sau khi đăng ký kết hôn cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh T hay chơi bời không tập trung làm ăn kinh tế gia đình, thường xuyên chửi mắng, đe dọa vợ con, chị có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T xúc phạm, đánh chị M. Cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Hiện tại vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, mỗi người một nơi không ai còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể hàn gắn được nên chị xin được ly hôn anh T để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị M trình bày trước khi đăng ký kết hôn với nhau, chị M và anh T chung sống với nhau như vợ chồng có với nhau 01 con chung là cháu Đinh Tiến T, sinh ngày 12/12/2012, sau này đăng ký kết hôn rồi chị M sinh thêm cháu là Đinh Tuyết T, sinh ngày 24/02/2019, hiện cả hai con chung đang ở cùng chị M và ông bà ngoại tại xã Tất Thắng. Ly hôn chị M xin được nuôi 02 con chung đến khi các cháu thành niên. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị M trình bày vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì.

Phía bị đơn, anh Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị M với anh T, lấy lời khai của mẹ đẻ anh T. Theo kết quả xác minh ngày 14/8/2020 tại khu hành chính xóm Chung, xã Tân Lập, xác định anh T có hộ khẩu

thường trú tại xóm Chũng, xã Tân Lập, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2020 của bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ anh T xác định: Anh T và chị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, đến năm tháng 8 năm 2018 hai bên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong cuộc sống chung giữa anh T và chị M không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, đánh chửi nhau, chị M đã đưa hai con về nhà ngoại ở từ năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa, chị M cũng không về nhà bà T nữa. Về con chung: Bà T xác định anh T và chị M có với nhau hai người con chung là cháu Đình Tiến T, sinh ngày 12/12/2012, cháu có trước khi đăng ký kết hôn nên khi khai sinh không có tên cha và cháu Đình Tuyết T, sinh ngày 24/02/2019, hiện các cháu đang ở với chị M tại xã Tân Thắng. Hiện nay anh T đi làm ăn ở xa, bà Tươi cũng không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh T vẫn gọi điện và thường xuyên về thăm nhà. Gia đình có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà T có trực tiếp giao lại hoặc gọi điện cho anh T nói chuyện về việc chị M xin ly hôn, anh T bận việc không về làm việc được, anh T nói lại với bà là cứ để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật anh T không có ý kiến gì.

Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Đức D đã phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung của từng người, ông D nhất trí như ý kiến của nguyên đơn đề nghị HĐXX xử cho chị Đình Thị Tuyết M được ly hôn anh Đình Văn T. Giao cho chị M trực tiếp được nuôi 02 con chung là cháu Đình Tiến T, sinh ngày 12/12/2012 và cháu Đình Tuyết T, sinh ngày 24/02/2019 kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi các cháu thành niên, chị M tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về các nội dung khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 16/9/2020; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Tuyết M, xử cho chị Mai được ly hôn anh Đinh Văn T. Về con chung: Giao cháu Đinh Tiến T, sinh ngày 12/12/2012 và cháu Đinh Tuyết T, sinh ngày 24/02/2019 cho chị Mai được tiếp tục nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2020 đến khi các cháu thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/6/2020 chị Đinh Thị Tuyết M nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung với anh Đinh Văn T, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Đinh Thị Tuyết M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/9/2020, anh Đinh Văn T được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M, anh T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T nảy sinh tình cảm và đã chung sống với nhau như vợ chồng nhiều năm và có với nhau một người con chung trước khi đăng ký kết hôn, đến tháng 8 năm 2018 chị Đinh Thị Tuyết M và anh Đinh Văn T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Tất Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình bố mẹ đẻ anh T tại xã Tân Lập được hơn ba năm, sau đó vợ chồng ra ở riêng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp, từ đó lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, xúc phạm nhau, vợ chồng chính thức sống ly thân từ khoảng cuối năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Căn cứ vào lời khai của mẹ đẻ anh Đinh Văn T là bà Nguyễn Thị T và qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại khu hành chính thấy phù hợp với lời trình bày của chị M. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định chị M và anh T đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa

hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy anh T không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Việc chị M xin ly hôn với anh T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là cháu Đinh Tiên T, sinh ngày 12/12/2012 và cháu Đinh Tuyết T, sinh ngày 24/02/2019, hiện các cháu đang ở với chị M tại xã Tất Thắng. Khi ly hôn quan điểm chị M xin được nuôi 02 con chung đến khi các cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh Thủy cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi chị M và anh T ly thân cuối năm 2018 đến nay, cháu T, cháu Thu vẫn ở với chị M và ông bà ngoại và được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học đầy đủ, bản thân anh T không quan tâm hoặc chu cấp gì để chị M nuôi con, điều đó thể hiện anh T thiếu trách nhiệm với con chung. Tại bản tự khai ngày 01/7/2020 nguyện vọng của cháu T xin được ở với mẹ, cháu T còn rất nhỏ mới được 19 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung, có điều kiện ăn học tốt nhất tránh được sự sáo trộn về tâm lý cũng như ảnh hưởng đến việc học tập của cháu T. Do vậy cần giao con chung là cháu Đinh Tiên T và cháu Đinh Tuyết T cho chị Đinh Thị Tuyết M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị M xác định không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh T không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp.

[6] Căn cứ vào lời trình bày của chị M, của bà T và kết quả xác minh lại khu hành chính Xóm Chũng xã Tân Lập thì chị Đinh Thị Tuyết M - sinh ngày 24/9/1996, anh

Đình Văn T – Sinh ngày 19/6/1985 chung sống với nhau từ năm 2012 và có con chung là cháu Đình Tiến T, sinh ngày 12/12/2012, như vậy khi chị M sinh cháu T chị Mai mới 16 tuổi 03 tháng 12 ngày, tính theo chu kỳ thai nhi thì anh Th phải quan hệ tình dục với chị M trước khi chị Mai đủ 16 tuổi. Sau khi kết thúc phiên tòa HĐXX sẽ có văn bản gửi cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Thanh Sơn để đề nghị xác minh làm rõ theo thẩm quyền.

[7] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị M phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đình Thị Tuyết M

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đình Thị Tuyết M được ly hôn anh Đình Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Đình Tiến Thắng, sinh ngày 12/12/2012 và cháu Đình Tuyết T, sinh ngày 24/02/2019 cho chị Đình Thị Tuyết M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi các cháu thành niên. Anh Đình Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị M tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh Đình Văn T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đình Thị Tuyết M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2020/0003173 ngày 29/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện và tỉnh;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã Tất Thắng, huyện Thanh Sơn;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã Ký

Nguyễn Khắc Vĩnh